

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-6-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Lê Đăng Tố**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Nguyễn Văn Khánh**

**Bà Lê Ngọc Lan**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hoàng Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:***  
Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Trần Hoài N**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 138, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu phố 4, phường A, thành phố L, tỉnh Đ.

***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 135/11, đường Hoàng Diệu, phường X, thành phố L, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-3-2020, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hoài N trình bày, tranh luận:***

***Về quan hệ hôn nhân:*** Trên cơ sở tự nguyện, chị N và anh L kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09-3-2020.

Quá trình chung sống, thời gian từ năm 2016 đến năm 2019 vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm. Tuy Nên, từ Tháng 01-2019, khi vợ chồng có con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau. Thêm vào đó, do áp lực về kinh tế nên anh L phải làm việc xa nhà, rất ít quan tâm, chăm sóc đến gia đình, một mình chị N trông nom,

chăm sóc con. Từ khoảng hai năm nay, vợ chồng không còn sống chung, đã Nều lần vợ chồng cùng ngồi lại để nói chuyện nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Để ổn định đời sống riêng, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

Về con: Theo chị N, chị và anh L có 01 (Một) người con là Nguyễn Thiên Du, sinh ngày 12-01-2019. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Hiện nay chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên tạm thời chị không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Theo chị N, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ: Theo chị N, vợ chồng không có nợ chung.

*Tại bản tự khai và bản tự khai bổ sung cùng ngày 28-4-2020, cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày, tranh luận:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh L thừa nhận, lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân là đúng. Vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Theo anh L, đời sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra từ năm 2019. Nguyên nhân do chủ yếu do áp lực về kinh tế, công việc và thu nhập của anh không ổn định, vướng nợ nần của cá nhân. Cũng vì lý do công việc, anh có ít thời gian để chăm sóc cho gia đình và con. Từ đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, do tính chất công việc chiếm Nều thời gian, nên bản thân anh L khoảng một tháng thì mới về thăm con một lần. Nay, chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, một phần anh vẫn còn tình cảm với chị N, mong muốn bù đắp tình cảm cho chị N và con có tình thương của cả cha và mẹ.

Về con: Anh L thừa nhận, vợ chồng có một người con là Nguyễn Thiên Du, sinh ngày 12-01-2019. Hiện nay con đang sống cùng chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh L đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vì bản thân nhận thấy hiện tại không đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản: Theo anh L, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng có cơ hội về đoàn tụ hoặc thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án. Tuy Nều, anh L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, kết quả xác minh như sau:*

Tại Biên bản xác minh ngày 06-5-2020 (Bút lục số 28), đại diện Ủy ban nhân dân phường X cung cấp: Anh L và chị N sau khi kết hôn thì có thời gian ngắn sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống không thấy xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy Nều, có khoảng thời gian, không thấy anh L và chị N sống chung. Tại thời điểm hiện nay cả anh L và chị N đều đã đi nơi khác sinh sống.

Tại Biên bản làm việc ngày 06-5-2020, đối với bà Lê Thị Cẩm Lan, là mẹ ruột của anh L (Bút lục số 29), có nội dung: Sau khi kết hôn, anh L và chị N sống

tại nhà bà Lan khoảng một năm. Đến năm 2017, anh L và chị N làm nhà sống riêng. Tuy Nền, do công việc kinh doanh thất bại, nên sau đó, anh L đã phải bán nhà để trả nợ, chị N về lại nhà mẹ ruột tại phường A để sinh sống.

Tại Biên bản làm việc ngày 04-5-2020, đối với bà Trần Thị Hạnh, là mẹ ruột của chị N (Bút lục số 30), có nội dung: Quá trình chung sống của chị N và anh L gặp Nền mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh L không tiếp thu ý kiến, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Hiện nay, chị N và con sống cùng bà Hạnh tại phường A.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L; về con: Đề nghị giao con Nguyễn Thiên Du, sinh ngày 12-01-2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Trần Hoài N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L, tranh chấp về nuôi con Nguyễn Thiên Du. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Thiên Du có nơi cư trú tại: Số 135/11 Hoàng Diệu, phường X, thành phố L, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27-5-2016 (Bút lục số 02). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[3] Lời khai của các đương sự về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Có đủ cơ sở để xác định, quá trình sống chung, vợ chồng chị N, anh L đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Anh L cho rằng, còn thương yêu vợ con, mong muốn đoàn tụ, nhưng bản thân anh không đưa ra được biện pháp để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Tòa án đã mở phiên hòa giải để tìm cơ hội đoàn tụ cho vợ chồng, nhưng anh L đều vắng mặt, điều này cũng thể hiện, bản thân anh L cũng không thật sự mong muốn đoàn tụ gia đình.

[5] Về con: Chị N và anh L thừa nhận, vợ chồng có 01 (Một) người con là Nguyễn Thiên Du, sinh ngày 12-01-2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con; anh L đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên ý kiến. Thỏa thuận về con của các đương sự với nội dung trên đây là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

[6] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235, 246 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần Hoài N, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Hoàng L.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Trần Hoài N và anh Nguyễn Hoàng L.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con và cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

- Về con: Giao con Nguyễn Thiên Du, sinh ngày 12-01-2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản:** Chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị N và anh L khai không có, nên không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Trần Hoài N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005943 ngày 11-3-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ. Chị N đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Xuân Lập (GCNKH số: 61/2015, quyền số 01/2015, ngày 01-10-2015, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tổ**